



tóng yì tiān

同一天

noun phrase · the same day

Example Sentences

Wǒ men liǎ zài tóng yì tiān chū shēng

我们俩在同一天出生。

The two of us were born on the same day.

Kǎo shì hé bǐ sài dōu zài tóng yì tiān jǔ xíng

考试和比赛都在同一天举行。

The exam and the competition are both held on the same day.

Trace each character, then write the word on your own.

同	同	同	同	同	同	同	同	同		
一	一	一	一							
天	天	天	天	天	天	天				